

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25.5.2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Bà Lê Thị Nhó

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 667/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 667/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T Â L, sinh năm 1982; trú tại: Trần Hưng Đạo, quận Ton Trà, Tp Đà Nẵng (có mặt).

Bị đơn: Ông Võ V P, sinh năm 1985; trú tại: Lê Duẩn, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29.11.2017, nội dung bản tự khai ngày 26.3.2018 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Th Â L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Võ V Ph kết hôn vào năm 2012, đăng ký tại UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ Lê Duẩn, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian từ 03 năm nay vợ chồng tôi không có tiếng nói chung. Khoảng hơn một năm nay, tôi phát hiện chồng tôi ngoại tình, không lo cho cuộc sống của vợ con mà còn có những lời lẽ thô tục với tôi. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên chúng tôi đã tự ly thân thời gian đến nay đã được một năm. Tôi đã cùng con đến nơi khác thuê nhà ở riêng, không còn sống chung với chồng tôi nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Võ V Ph.

- *Về con chung*: Tôi với ông Phong có 01 con là Võ Th N A, sinh ngày 31.10.201... Ly hôn tôi có nguyện được nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm con chung. Tôi yêu cầu ông Văn V P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ông Võ V P không có văn bản phản hồi, không tham gia các buổi hòa giải và không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Qua việc xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Ph là đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Do mâu thuẫn gia đình nên kể từ năm 2016 bà L ra thuê nhà trọ sống riêng, còn ông Ph ở lại sống với gia đình tại Lê Duẩn, Đà Nẵng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều: 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc bà Nguyễn T Â L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Võ V Ph là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà L được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Võ Th Ng A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà L không rõ về chỗ ở, công việc và thu nhập hiện nay của ông Ph như thế nào, nhưng bà Lành yêu cầu ông Phong cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là không có cơ sở, nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà Lành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Th Â L xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Th Â L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ V Ph (là bị đơn) có hộ khẩu thường trú tại: Lê Duẩn, Tổ 14, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng bị đơn - ông Võ V Ph vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, không có mặt tại phiên tòa. Do vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Th Â L và ông Võ V Ph xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Th Â L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Võ V Ph, lý do là

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của bà L thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Qua xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn như bà Lành trình bày là có thật. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên từ năm 2016, bà L đã đi đến nơi khác thuê nhà trọ ở riêng, không còn sống chung với ông Ph

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện được do ông Võ V Ph không chịu hợp tác, không có thiện chí để giải quyết. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Ph là thỏa đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về quan hệ con chung: Bà L và ông Ph có một con chung là Võ Th Ng A, sinh ngày 31.10.2013. Trong trường hợp ly hôn, bà L có nguyện vọng nuôi con. Bà Lành yêu cầu ông Võ V Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của các cháu và điều kiện thực tế của mỗi bên. Cháu Võ Th Ng A hiện nay vẫn sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Th Â L, do đó cần giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L là chính đáng, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4]- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Th Â L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ; ông Võ V Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Th Â L đối với ông Võ V Ph.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Th Â L được ly hôn với ông Võ V Ph
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Võ Thị N A, sinh ngày 31.10.2013 cho bà Nguyễn Th Â L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ V Ph phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian đóng góp cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/5/2018.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: - Bà Nguyễn Th Â L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp tại biên lai thu số 007906 ngày 18.12.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Th Â L đã nộp đủ án phí;

- Ông Võ V Ph phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

5. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND phường Tân Chính;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Dân

